



nán ér

男儿

noun · man; son (often in heroic context)

Example Sentence

tā lì zhì zuò yí gè dǐng tiān lì dì de nán ér
他立志做一个顶天立地的男儿。

He aspires to be an upright and heroic man.

Trace each character, then write the word on your own.

男	男	男	男	男	男	男	男	男	男	
儿	儿	儿	儿	儿						